

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮKLẮK**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 6 - 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Diệu

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Duy Thanh

2. Ông Nguyễn Đăng Lân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cư Mgar

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Không

Ngày 01 tháng 6 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: 51 Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Hữu B, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: 51 Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hữu B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998 sau thời gian quen biết, tìm hiểu được khoảng 01 năm nhưng đến ngày 12/11/2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Hiệp. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do ông B quản lý toàn bộ kinh tế gia đình, thường hay đánh đập chửi bới vợ. Từ năm 2019 cho đến nay mặc dù sống chung nhà nhưng cuộc sống của ai người đó tự lo, không liên quan gì đến nhau. Nay vợ chồng không còn tình cảm, không thể sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nguyện vọng của bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Nguyễn Hữu B.

Về con chung: Bà T bà ông B có 02 con chung là Nguyễn Quốc B1, sinh ngày 29/9/1999; Nguyễn Bích T1, sinh ngày 10/10/2008. Nguyên vọng của bà T xin được nuôi cháu T1 do cháu đang còn nhỏ, chưa thành niên. Riêng cháu B1 đã trưởng thành, hoàn toàn khỏe mạnh, đang học đại học năm cuối nên cháu ở với ai là tùy cháu, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn ông Nguyễn Hữu B trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày: Ông xác nhận lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, con chung là đúng sự thật. Trong cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, hiện nay tình cảm với vợ vẫn còn nên ông B không đồng ý ly hôn. Về con chung thì hai vợ chồng cùng có trách nhiệm như nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền Tòa án:

Bà Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung với ông Nguyễn Hữu B nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Bà T và ông B hiện nay đang cư trú tại Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Hữu B tự nguyện chung sống từ năm 1998 nhưng đến ngày 12/11/2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Hiệp, huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Hữu B thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, ông B có hành vi đánh đập bà T và đã bị công an xã Quảng Hiệp mời lên làm việc hai lần. Nếu ông B là người có trách nhiệm chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình thì mâu thuẫn sẽ được khắc phục kịp thời, vợ chồng có thể chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, bà T không chấp nhận đoàn tụ chung sống mặc dù vợ chồng đã được Tòa án hòa giải nhiều lần. Như vậy, hôn nhân của bà T và ông B lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không thể đoàn tụ chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của ông Nguyễn Hữu B, chấp nhận đơn ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Nguyễn Hữu B.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Hữu B có 02 con chung là Nguyễn Quốc B1, sinh ngày 29/9/1999; Nguyễn Bích T1, sinh ngày 10/10/2008, nguyên vọng của bà T xin được nuôi con chung là cháu T1 vì cháu đang còn nhỏ. còn cháu B1 đã trưởng thành, hoàn toàn khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay bà T đang buôn bán tại chợ Quảng Hiệp có thu nhập

ổn định, cháu T1 là con gái nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của bà T giao cháu T1 cho bà T nuôi dưỡng đến khi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Hữu B phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Nguyễn Hữu B

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bích T1, sinh ngày 10/10/2008 cho bà Nguyễn Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0016546 ngày 21/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh; TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện CưM'gar;
- Thi hành án dân sự CưM'gar;
- UBND xã Quảng Hiệp, huyện CưMgar;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Huyền Diệu